



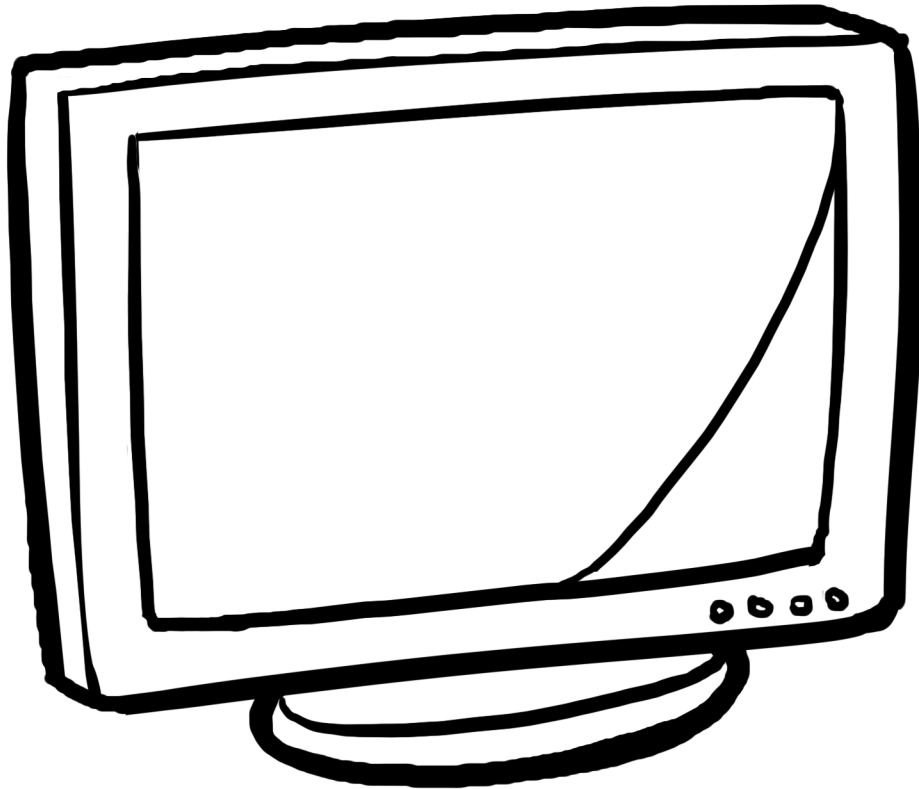
## Colouring 2



# House

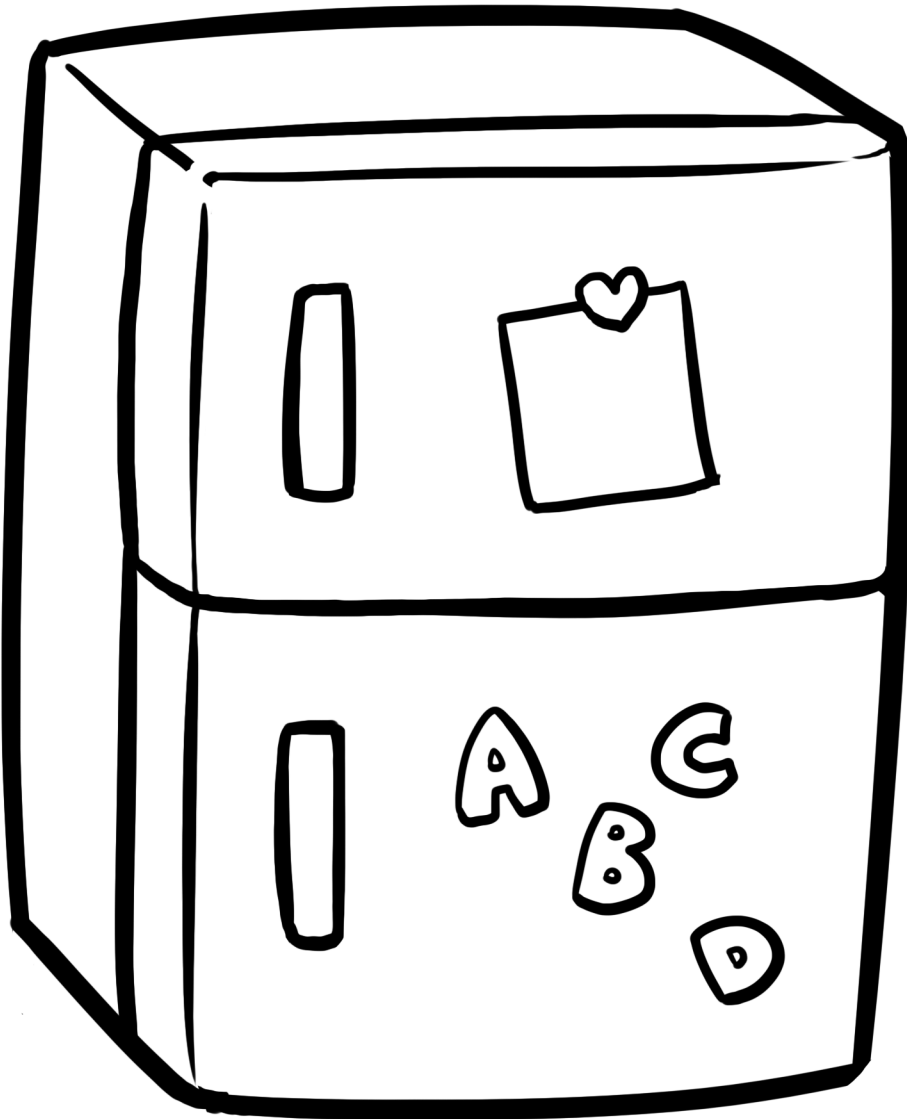


studycat.com



# 電視

Diàn shì



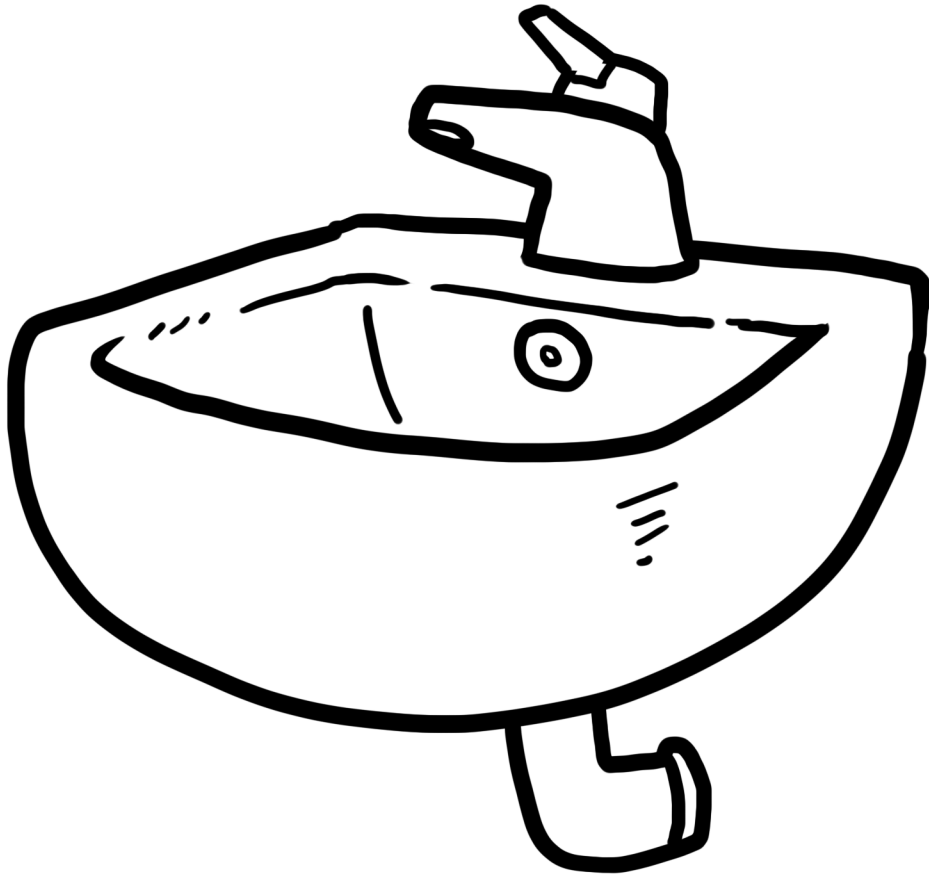
冰箱

Bīng xiāng



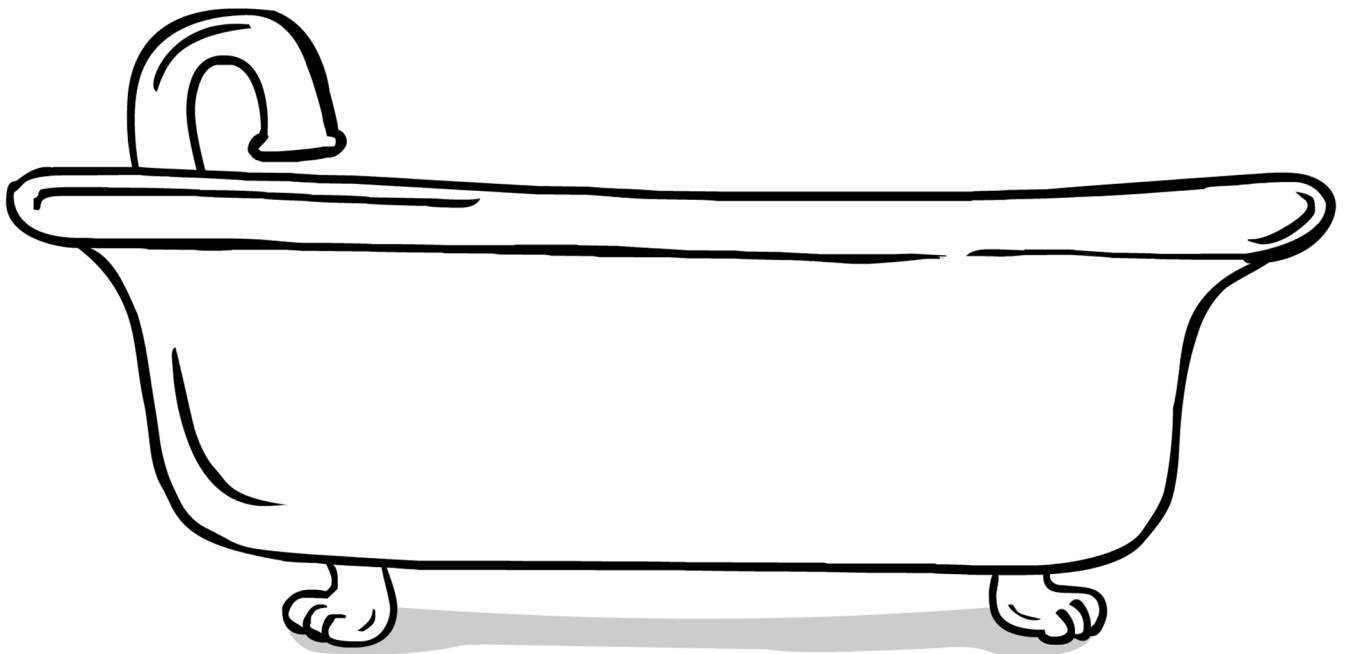
馬桶

Mǎ tǒng



水槽

Shuǐ cáo



浴缸

Yù gāng